

Bản án: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2019

“V/v ly hôn, tranh chấp quyền
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH L

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Khanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Khánh Hội
Bà Nguyễn Thị Kim Đảm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành- Thư ký
Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 15/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M (địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh L) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2019 về việc “ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Ông Hà Duy K, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện M, tỉnh L.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/5/2019 và biên bản hòa giải ngày 04/7/2019 bà L trình bày: Bà và ông K kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh T vào năm 2016. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối năm 2018 thì vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông K nên xin ly hôn;

Về con chung: Bà L xác định có 01 con chung tên Hà Quỳnh N, sinh ngày 16/6/2016, khi ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu ông K phải cầu cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung và nợ chung, Bà L xác định không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông K trình bày: Về quá trình kết hôn, chung sống, con chung và mâu thuẫn vợ chồng là đúng như lời trình bày của bà L và ông K đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông K yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng hiện nay con đang sống chung với ông nên không muốn làm thay đổi cuộc sống của con và so

sánh điều kiện về kinh tế để nuôi con thì ông làm nghề sửa xe máy xúc, có ruộng đất đủ để đảm bảo việc nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung, nợ chung, ông K thống nhất không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả xét hỏi tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà Phan Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con chung với ông Hà Duy K, hiện tại ông K đang cư trú tại ấp H, xã B, huyện M, tỉnh L nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà L và ông K kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh T, ngày 13/6/2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông K và ông K cũng xác định là không còn tình cảm vợ chồng với bà L nên đồng ý ly hôn. Như vậy, có thể xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà L xin ly hôn với ông K là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông K xác định có một con chung tên Hà Quỳnh N, sinh ngày 16/6/2016 hiện nay đang sống chung với ông K. Bà L và ông K đều xin được quyền trực tiếp nuôi con và cả hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay con chung đã trên 36 tháng tuổi và hiện đang sống với ông K; Mặt khác, ông K có điều kiện nuôi con tốt hơn bởi lẽ ông có nghề nghiệp là thợ sửa xe xúc, có ruộng đất đảm bảo cho cuộc sống tốt nhất cho trẻ. Về phía bà L hiện tại là nghề nghiệp là công nhân không có nguồn thu nhập kinh tế nào khác. Do đó, việc giao con chung cho ông K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Ông K không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L cũng như ông K không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L đối với ông Hà Duy K về việc “ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị L được ly hôn với ông Hà Duy K.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay. Giao con chung tên Hà Quỳnh N, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2016 cho ông Hà Duy K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L cũng như ông K không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.Án phí: Buộc bà Phan Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm sung công quỹ nhà nước nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số: 0002800, ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M để thi hành.

3.Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh L;
- VKS huyện M;
- THA huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Vũ Khanh